

Bản án số: 112/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/12/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đình Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 30/11/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L; Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn A; Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2022 và bản tự khai ngày 14/10/2022 cũng trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn A chung sống như vợ chồng từ năm 2009 được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Đến ngày 08/8/2012, vợ chồng làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ và đã có lần dẫn đến đánh đập. Thời gian kéo dài khiến cho chị cảm thấy mệt mỏi và chán nản. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Minh Q, sinh ngày 13/01/2018. Ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/10/2022 và trong phiên hòa giải, anh Bùi Văn A trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị L chung sống với nhau từ năm 2009 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Sau đó, hai bên đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 08/8/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận bình thường, đôi lúc có cãi nhau nhưng chưa đến mức trầm trọng. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mặt khác anh không muốn sau này con cái phải thiếu thốn tình cảm của cha mẹ nên anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Minh Q, sinh ngày 13/01/2018. Nếu chị L nhất quyết ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh Bùi Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Bùi Văn A; Về con chung: Giao cháu Bùi Minh Q, sinh ngày 13/01/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Tại phiên tòa, chị L vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị L và anh A.

[3]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn A chung sống như vợ chồng từ năm 2009 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Đến ngày 08/8/2012, vợ chồng làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Việc đăng ký kết hôn của chị L và anh A là tự nguyện và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp

pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Việc này, đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Mặc dù anh A mong muốn được đoàn tụ nhưng chị L nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. HĐXX nhận thấy tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Bùi Văn A.

[4]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Minh Q, sinh ngày 13/01/2018. Hiện cháu Q đang còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ, do đó, nên chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Q cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

[5]. Về tài sản: Chị L và anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[6]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Bùi Văn A.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Minh Q, sinh ngày 13/01/2018 chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Anh A có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị L đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2021/0007805, ngày 10/10/2022. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn A. Chị L và anh A có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc